

HỘI AN



TOURIST HOLDING COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ : 10 Trần Hưng Đạo – Hội An

Mã chứng khoán : HOT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ III/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
TẠI NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2021

ĐVT : VNĐ

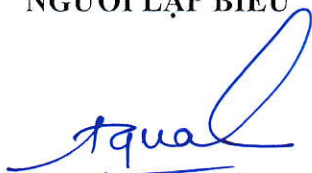
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		14 292 629 179	21 341 905 658
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9 268 138 392	8 391 582 850
1. Tiền	111	V.01	4 268 138 392	1 391 582 850
- Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	11A		228 829 894	148 122 000
- Tiền gửi Ngân hàng	11B		4 039 308 498	1 243 460 850
- Tiền đang chuyển	11C			
2. Các khoản tương đương tiền	112		5 000 000 000	7 000 000 000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		9 000 000 000
1. Đầu tư ngắn hạn	121			9 000 000 000
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	12A			
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12B			9 000 000 000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3 119 156 019	1 700 365 949
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		2 857 961 622	971 422 713
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		221 810 317	435 637 144
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
- Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	13Z			
- Phải thu nội bộ khác	13Y			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	V.03	389 986 239	590 415 131
- Phải thu khác 138	13A		339 486 239	500 167 131
- Phải thu khác -141	13B		500 000	
- Phải thu khác 244	13C		50 000 000	90 248 000
- Phải trả khác 3388	13E			
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		- 350 602 159	- 297 109 039
IV. Hàng tồn kho	140		1 696 057 229	1 764 643 153
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1 696 057 229	1 764 643 153
- Hàng mua đang đi trên đường	148			
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142		278 369 294	339 520 404
- Công cụ, dụng cụ trong kho	143		1 029 023 313	988 767 479
- Chi phí SXKD dở dang	144			
- Thành phẩm tồn kho	145			
- Hàng hóa tồn kho	146		388 664 622	436 355 270
- Hàng hoá kho bảo thuế	14A			
- Hàng gửi đi bán	147			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		209 277 539	485 313 706
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		195 222 007	288 873 098

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			103 961 413
- Thuế GTGT đầu vào	153			103 961 413
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	14 055 532	92 479 195
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			
- Tài sản ngắn hạn khác (1381)	15A			
- Tài sản ngắn hạn khác (141)	15B			
- Tài sản ngắn hạn khác (144)	15C			
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		65 981 865 903	67 744 112 276
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			9 000 000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		9 000 000
- Phải thu dài hạn khác (244)	21A			9 000 000
- Phải thu dài hạn khác (138..)	21B			
- Phải thu dài hạn khác (331..)	21C			
- Phải thu dài hạn khác (338..)	21D			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220	V.08	49 561 024 184	53 355 497 640
1. TSCĐ hữu hình	221		44 588 734 839	48 329 274 159
- Nguyên giá	222		195 728 975 329	196 127 025 223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-151 140 240 490	-147 797 751 064
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	4 972 289 345	5 026 223 481
- Nguyên giá	228		8 416 184 634	8 796 184 634
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-3 443 895 289	-3 769 961 153
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12		
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6 052 198 669	1 918 212 776
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6 052 198 669	1 918 212 776
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8 863 057 934	9 712 059 581
1. Đầu tư vào công ty con	251		11 963 012 280	11 963 012 280
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
- Đầu tư vào công ty liên kết	25A			
- Đầu tư vào công ty liên doanh	25B			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	259		-3 099 954 346	-2 250 952 699
V. Tài sản dài hạn khác	260		1 505 585 116	2 749 342 279
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1 505 585 116	2 749 342 279

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		80 274 495 082	89 086 017 934
NGUỒN VỐN				
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		18 885 680 813	10 576 772 199
I. Nợ ngắn hạn	310		18 702 224 355	10 393 315 741
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
- Vay ngắn hạn	A31			
- Nợ dài hạn đến hạn trả	B31			
2. Phải trả người bán ngắn hạn	312		1 908 280 949	1 146 108 467
3. Người mua trả tiền trước	313		2 214 599 021	473 757 694
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	11 264 933 613	5 619 965 509
5. Phải trả người lao động	315		1 609 126 992	1 172 325 322
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	395 374 738	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	821 271 383	1 336 873 090
- Phải trả&phải nộp khác(3388)	31A		821 271 383	1 336 873 090
- Phải trả&phải nộp khác(138)	31B			
- Phải trả&phải nộp khác(3382)	31C			
- Phải trả&phải nộp khác(33883)	31D			
- Phải trả&phải nộp khác(3383)	31E			
- Phải trả&phải nộp khác(3384)	31F			
- Phải trả&phải nộp khác(3386)	31C			
- Phải trả&phải nộp khác(451)	31G			
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		488 637 659	644 285 659
II. Nợ dài hạn	330		183 456 458	183 456 458
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
- Phải trả dài hạn khác (3385)	33A			
- Phải trả dài hạn khác (344)	33B			
- Phải trả dài hạn khác (338--)	33C			
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	334	V.20		
- Vay dài hạn	33E			
- Nợ dài hạn	33D			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	183 456 458	183 456 458
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		61 388 814 269	78 509 245 735
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	61 388 814 269	78 509 245 735
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80 000 000 000	80 000 000 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		- 630 000	- 630 000
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22 388 700 778	22 388 700 778
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-40 999 256 509	-23 878 825 043
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	41A		-23 878 825 043	- 923 843 638
- LNST chưa phân phối kỳ này	41B		-17 120 431 466	-22 954 981 405
10. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
- Nguồn kinh phí sự nghiệp	43A			
- Chi sự nghiệp	43B			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		80 274 495 082	89 086 017 934

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ THU QUANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

Hội An, ngày 18 tháng 10 năm 2021



TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ TIÊN DŨNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
QUÝ III/2021

ĐVT: VND

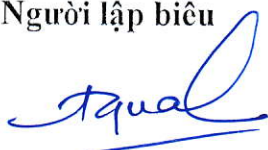
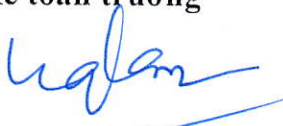
Chỉ tiêu	TM	Quý III/2021	Quý III/2020	Lũy kế (Năm nay)	Lũy kế (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	8 192 928 339	3 153 515 411	17 241 033 330	30 451 468 778
2. Các khoản giảm trừ					
- Chiết khấu thương mại					
- Giảm giá hàng bán					
- Hàng bán bị trả lại					
- Thuế tiêu thụ ĐB phải nộp					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		8 192 928 339	3 153 515 411	17 241 033 330	30 451 468 778
4. Giá vốn hàng bán	VI.27	10 253 572 022	6 452 481 112	27 239 553 677	35 651 103 933
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		-2 060 643 683	-3 298 965 701	-9 998 520 347	-5 199 635 155
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.26	52 738 246	177 603 380	321 480 366	3 150 064 842
7. Chi phí tài chính	VI.28	226 534	5 196 947	859 703 194	991 007 909
- Trong đó: Lãi vay phải trả			5 193 246	10 044 008	10 409 684
8. Chi phí bán hàng		161 708 529	276 547 734	397 588 331	2 937 874 865
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1 952 892 124	3 149 646 625	6 234 651 395	9 856 445 251
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD {30=20+(21-22)-(24+25)}		-4 122 732 624	-6 552 753 627	-17 168 982 901	-15 834 898 338
11. Thu nhập khác		4 289 129	11 217 089	113 337 832	746 251 601
12. Chi phí khác		15 204 337	46 358 266	64 786 397	320 883 136
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		- 10 915 208	- 35 141 177	48 551 435	425 368 465
14. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50 = 30 + 40)		-4 133 647 832	-6 587 894 804	-17 120 431 466	-15 409 529 873
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.30				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		-4 133 647 832	-6 587 894 804	-17 120 431 466	-15 409 529 873
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu					

Hội An, ngày 18 tháng 10 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc


Nguyễn Thị Thu Quanh

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lê Tiến Dũng

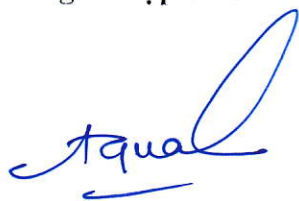
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Lũy kế đến 30/09/2021	Lũy kế đến 30/09/2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		-17 120 431 466	-15 409 529 873
2. Điều chỉnh cho các khoản			4 271 076 812	3 676 051 794
- Khấu hao tài sản cố định	02		3 794 473 456	5 563 732 454
- Các khoản dự phòng	03		902 494 767	965 930 759
+ Các khoản dự phòng hoàn nhập	0301			
+ Các khoản dự phòng đã lập được ghi nhận	0302		902 494 767	965 930 759
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		- 1 116 055	1 425 082
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		- 434 819 364	-2 865 446 185
- Chi phí lãi vay	06		10 044 008	10 409 684
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		-12 849 354 654	-11 733 478 079
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		-1 330 146 114	2 544 831 316
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		68 585 924	632 108 150
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		8 464 556 614	-12 560 603 329
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1 337 408 254	3 761 153 125
- Tiền lãi vay đã trả	13		- 10 044 008	- 10 409 684
+ Tiền lãi vay đã trả (6354)	1301		- 10 044 008	- 10 409 684
+ Tiền lãi vay đã trả khác	1302			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			- 791 781 062
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			520 000 000
+ Thu do nhận ký cược ký quỹ	1501			
+ Thu hồi các khoản ký cược	1502			520 000 000
+ Thu từ nguồn kinh phí sự nghiệp	1503			
+ Tiền được các tổ chức cá nhân bên ngoài thưởng, tặng quỹ DN	1504			
+ Tiền được ghi tặng quỹ do cấp trên hoặc cấp dưới nộp	1505			
+ Thu khác	1598			
+ Khác	1599			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-1 671 580 636	- 835 994 897
+ Tiền đưa đi ký cược ký quỹ	1601			
+ Tiền trả lại các khoản đã nhận ký cược	1602			
+ Tiền chi trực tiếp từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	1603		- 155 648 000	- 555 978 558
+ Tiền chi trực tiếp từ các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1604			
+ Tiền chi trực tiếp bằng nguồn vốn KP sự nghiệp, dự án	1605			
+ Chi khác	1698		-1 515 932 636	- 280 016 339
+ Khác	1699			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		-5 990 574 620	-18 474 174 460
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-4 133 985 893	- 634 475 000
+ Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	2101		-4 133 985 893	- 634 475 000
+ Phải thu người bán	2102			

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Lũy kế đến 30/09/2021	Lũy kế đến 30/09/2020
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22			565 721 013
+ Số tiền thu	2201			694 090 909
+ Số tiền chi	2202			- 128 369 896
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-19 000 000 000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11 000 000 000	55 000 000 000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
+ Thu hồi đầu tư từ phải thu khách hàng (131)	2601			
+ Khác	2602			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			1 663 944 885
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6 866 014 107	37 595 190 898
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1 293 461 000	3 726 453 086
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-1 293 461 000	-3 726 453 086
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-11 199 911 800
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			-11 199 911 800
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		875 439 487	7 921 104 638
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8 391 582 850	8 548 224 830
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1 116 055	- 1 425 082
+ ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ - tăng	6101		1 116 055	- 1 425 082
+ ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ - giảm	6102			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	31	9 268 138 392	16 467 904 386

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Hội An, ngày 18 tháng 10 năm 2021

Tổng giám đốc



Lê Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2021

Mã chứng khoán: HOT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

I. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Du lịch – Dịch vụ Hội An theo Quyết định số 51/QĐ-TU ngày 16 tháng 02 năm 2006 của Tỉnh ủy Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030702234 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã 8 lần điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 23/06/2020 với mã số mới là 4000102418), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty niêm yết cổ phần phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HOT. Ngày chính thức giao dịch là ngày 21/07/2011.

Công ty có 5 chi nhánh và 2 Văn phòng đại diện :

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Khách sạn Hội An
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Khu Du lịch Biển Hội An
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Trung tâm Lễ hành Hội An
(Chấm dứt hoạt động từ ngày 05 tháng 04 năm 2018)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Xí nghiệp Giặt Hội An
(Chấm dứt hoạt động từ ngày 27 tháng 11 năm 2017)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Khu DLND Tam Thanh
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An tại Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh chính

- Khách sạn;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao dưới nước, dịch vụ lặn biển;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương. Chi tiết: Vận tải ven biển bằng ca nô;
- Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, đại lý đối ngoại tệ;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao. Chi tiết: Dịch vụ thể dục thẩm mỹ, thể dục thể hình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Nhà hàng, quán ăn, ăn uống;

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2021

Mã chứng khoán: HOT

- Hoạt động vui chơi giải trí. Chi tiết: Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải khách du lịch, vận tải khách theo hợp đồng;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ internet;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty. Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc Báo cáo tài chính riêng kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2021

Mã chứng khoán: HOT

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu, hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2021

Mã chứng khoán: HOT

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 5 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2021

Mã chứng khoán: HOT

Tài sản cố định vô hình Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất 50 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 - 5 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2021

Mã chứng khoán: **HOT**

hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2021

Mã chứng khoán: HOT

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng thuế suất 10% đối với các dịch vụ lưu trú, nhà hàng, dịch vụ lữ hành du lịch và các dịch vụ khác.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Áp dụng thuế suất 30% đối với dịch vụ massage.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2021

Mã chứng khoán: HOT

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	228.829.894	148.122.000
Tiền gửi ngân hàng	4.039.308.498	1.243.460.850
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	<u>9.268.138.392</u>	<u>8.391.582.850</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 01 năm.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng của Văn phòng Công ty	198.000.000	122.062.715
Phải thu khách hàng của Khách sạn Hội An	488.375.216	468.710.216
Phải thu khách hàng của Khu Du Lịch Biển	2.117.249.406	291.072.821
Phải thu khách hàng của DLND Tam Thanh	54.337.000	89.576.961
Cộng	<u>2.857.961.622</u>	<u>971.422.713</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp tại Văn phòng Công ty	200.348.341	432.089.174
Nhà cung cấp tại Khách sạn Hội An	-	-
Nhà cung cấp tại Khu Du Lịch Biển	21.461.976	3.547.970
Nhà cung cấp tại DLND Tam Thanh	-	-
Cộng	<u>221.810.317</u>	<u>435.637.144</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phòng vé máy bay	-	-
Phải thu tiền BHXH	-	-
Phải thu đặt cọc thuê văn phòng	50.000.000	90.248.000
Các khoản phải thu khác	339.986.239	331.805.487
Phải thu lãi tiền gửi(lãi dự thu)	-	168.361.644
Cộng	<u>389.986.239</u>	<u>590.415.131</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	278.369.294	339.520.404
Công cụ, dụng cụ	1.029.023.313	988.767.479
Hàng hóa	388.664.622	436.355.270
Cộng	<u>1.696.057.229</u>	<u>1.764.643.153</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2021

Mã chứng khoán: HOT

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	195.222.007	288.873.098

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	147.217.145.499	34.585.912.963	7.380.334.294	6.492.537.467	451.095.000	196.127.025.223
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tăng do mua sắm mới	-	-	-	-	-	-
Tăng do đầu tư XDCC hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	183.976.436	-	214.073.458	-	-	398.049.894
Giảm do thanh lý, nhượng bán	183.976.436	-	160.182.706	-	-	344.159.142
Giảm do đầu tư vào công ty con	-	-	53.890.752	-	-	53.890.752
Số cuối kỳ	147.033.169.063	34.585.912.963	7.166.260.836	6.492.537.467	451.095.000	195.728.975.329
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	102.275.246.684	31.887.935.973	7.348.684.494	5.902.453.163	383.430.750	147.797.751.064
Tăng do trích khấu hao	2.730.181.559	668.089.179	31.649.800	242.954.532	67.664.250	3.740.539.320
Giảm do thanh lý, nhượng bán	183.976.436	-	160.182.706	-	-	344.159.142
Giảm do đầu tư vào công ty con	-	-	53.890.752	-	-	53.890.752
Số cuối kỳ	104.821.451.807	32.556.025.152	7.166.260.836	6.145.407.695	451.095.000	151.140.240.490
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	44.941.898.815	2.697.976.990	31.649.800	590.084.304	67.664.250	48.329.274.159
Số cuối kỳ	42.211.717.256	2.029.887.811	-	347.129.772	-	44.588.734.839

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.222.004.634	5.574.180.000	8.796.184.634
Tăng do đánh giá lại	-	-	-
Giảm do đầu tư vào công ty con	380.000.000	-	380.000.000
Giảm do thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2021

Mã chứng khoán: HOT

	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ	2.842.004.634	5.574.180.000	8.416.184.634
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	3.168.070.498	601.890.655	3.769.961.153
Tăng do trích khấu hao	53.934.136	-	53.934.136
Giảm do đầu tư công ty con	380.000.000	-	-
Giảm do thanh lý	-	-	-
Số cuối kỳ	2.842.004.634	601.890.655	3.443.895.289
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	53.934.136	4.972.289.345	5.026.223.481
Số cuối kỳ	-	4.972.289.345	4.972.289.345

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các công trình:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển phân bổ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- HM tại Khu DL Biển	-	-	-	-	-
- Dự án khác	3.636.364	-	3.636.364	-	-
- Dự án Khu Thanh Tây	-	-	-	-	-
- HM tại KS Hội An	1.914.576.412	4.137.622.257	-	-	6.052.198.669
Cộng	1.918.212.776	4.137.622.257	3.636.364	-	6.052.198.669

11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước dài hạn	1.505.585.116	2.749.342.279

12. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ tại Ngân hàng Công thương Việt Nam theo thông tư 03/2002/TT-NHNN về quản lý tiền ký quỹ của các doanh nghiệp lữ hành	-	-
Ký quỹ tại hãng Taxi Vina Sun	-	-
Đặt cọc Công ty TNHH Grabtaxi	-	-
Đặt cọc thẻ taxi Mai Linh	-	-
Công ty CP The Open House	-	9.000.000
Cộng	-	9.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2021

Mã chứng khoán: HOT

13. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp cho Văn Phòng Công ty	382.002.205	551.733.495
Nhà cung cấp cho Khách sạn Hội An	751.716.027	399.056.194
Nhà cung cấp cho Khu du lịch Biển Hội An	712.854.635	164.361.778
Nhà cung cấp cho DLND Tam Thanh	61.708.082	30.957.000
Cộng	<u>1.908.280.949</u>	<u>1.146.108.467</u>

14. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng của Khách sạn Hội An	43.441.911	152.131.921
Khách hàng của Khu du lịch Biển Hội An	2.168.158.821	277.721.773
Khách hàng của Văn phòng Công ty	-	-
Khách hàng của DLND Tam Thanh	2.998.289	43.904.000
Cộng	<u>2.214.599.021</u>	<u>473.757.694</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	571.322.129	-	571.322.129
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	45.785.509	93.155.373	137.543.349	1.397.533
Tiền thuê đất	-	5.118.033.951	-	5.118.033.951
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.574.180.000	-	-	5.574.180.000
Thuế nhà thầu	-	62.975.848	62.975.848	-
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
Cộng	<u>5.619.965.509</u>	<u>5.852.487.301</u>	<u>207.519.197</u>	<u>11.264.933.613</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh dịch vụ Spa với thuế suất 30%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty bao gồm:

	<u>Số phát sinh</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh	_____
Cộng	<u>_____</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2021

Mã chứng khoán: HOT

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Công ty phải nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả	<u>395.374.738</u>	<u>-</u>

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	-	-
Bảo hiểm xã hội	63.562.652	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	142.500.000	128.304.744
Phải trả phải nộp khác	615.208.731	1.208.568.346
Cộng	<u>821.271.383</u>	<u>1.336.873.090</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	114.582.172	169.582.172
Quỹ phúc lợi	374.055.487	474.703.487
Cộng	<u>488.637.659</u>	<u>644.285.659</u>

19. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	80.000.000.000	(630.000)	21.915.004.518	11.675.110.593	113.589.485.111
Tăng trong kỳ	-	-	473.696.260	-	473.696.260
Giảm trong kỳ	-	-	-	35.553.935.636	35.553.935.636
Số dư tại 31/12/2020	<u>80.000.000.000</u>	<u>(630.000)</u>	<u>22.388.700.778</u>	<u>(23.878.825.043)</u>	<u>78.509.245.735</u>
Số dư tại 01/01/2021	80.000.000.000	(630.000)	22.388.700.778	(23.878.825.043)	78.509.245.735
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	17.120.431.466	17.120.431.466
Số dư tại 30/09/2021	<u>80.000.000.000</u>	<u>(630.000)</u>	<u>22.388.700.778</u>	<u>(40.999.256.509)</u>	<u>61.388.814.269</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2021

Mã chứng khoán: HOT

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	63	63
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63	63
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.999.937	7.999.937
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.999.937	7.999.937
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2021

Mã chứng khoán: HOT

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	<u>Quý III/2021</u>	<u>Quý III/2020</u>
Tổng doanh thu	8.192.928.339	3.153.515.411
<i>Doanh thu Khách sạn Hội An</i>	4.041.119.470	1.005.515.187
<i>Doanh thu Khu Du Lịch Biển</i>	3.781.212.894	1.271.048.235
<i>Doanh thu DLND Tam Thanh</i>	310.595.975	755.329.237
<i>Doanh thu Văn phòng Công ty</i>	60.000.000	121.622.752
Cộng	<u>8.192.928.339</u>	<u>3.153.515.411</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý III/2021</u>	<u>Quý III/2020</u>
Giá vốn Khách sạn Hội An	5.033.277.142	2.282.831.411
Giá vốn Khu Du Lịch Biển	4.124.529.938	2.843.304.928
Giá vốn DLND Tam Thanh	1.095.764.942	1.326.344.773
Cộng	<u>10.253.572.022</u>	<u>6.452.481.112</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý III/2021</u>	<u>Quý III/2020</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	51.430.137	175.173.973
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.308.109	2.237.152
Lãi chênh lệch tỷ giá bán ngoại tệ	-	192.255
Lãi dự thu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Cộng	<u>52.738.246</u>	<u>177.603.380</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý III/2021</u>	<u>Quý III/2020</u>
Chi phí lãi vay	-	5.193.246
Lỗ chênh lệch tỷ giá bán ngoại tệ	226.534	3.701
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	-
Cộng	<u>226.534</u>	<u>5.196.947</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý III/2021</u>	<u>Quý III/2020</u>
Chi phí cho nhân viên	95.249.870	168.876.415
Chi phí khấu hao TSCĐ, CCDC	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.737.828	32.651.550
Chi phí hoa hồng	5.408.925	73.837.317
Chi phí bằng tiền khác	22.311.906	1.182.452
Cộng	<u>161.708.529</u>	<u>276.547.734</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2021

Mã chứng khoán: HOT

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý III/2021</u>	<u>Quý III/2020</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.430.432.911	2.158.383.335
Chi phí đồ dùng văn phòng	41.384.586	39.741.696
Chi phí khấu hao TSCĐ	73.544.902	156.228.097
Chi phí trợ cấp mất việc	10.845.000	-
Thuế, phí và lệ phí	15.517.751	20.713.311
Chi phí dịch vụ mua ngoài	220.141.573	608.481.186
Chi phí bằng tiền khác	161.025.401	166.100.000
Cộng	<u>1.952.892.124</u>	<u>3.149.646.625</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Quý III/2021</u>	<u>Quý III/2020</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý TSCĐ,CCDC	-	-
Xử lý công nợ		
Thu nhập khác	4.289.129	11.217.089
Cộng	<u>4.289.129</u>	<u>11.217.089</u>

8. Chi phí khác

	<u>Quý III/2021</u>	<u>Quý III/2020</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định, nhượng bán, thanh lý	-	
Xử lý công nợ nhỏ lẻ		
Chi phí khác	15.204.337	46.358.266
Cộng	<u>15.204.337</u>	<u>46.358.266</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý III/2021</u>	<u>Quý II/2020</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.133.647.832)	(6.587.894.804)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.999.937	7.999.937
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2021

Mã chứng khoán: HOT

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Quý này</u>	<u>Quý trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.000.000	8.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	63	63
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.999.937	7.999.937

VILNHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối 30/09/2021

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền lương, thưởng của Ban Tổng giám đốc	1.239.300.000	1.518.470.993
Tiền thù lao, thưởng của Hội đồng quản trị	510.800.000	610.884.000
Cộng	1.750.100.000	2.129.354.993

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chủ yếu là báo cáo theo hoạt động sản xuất kinh doanh của từng bộ phận và được trình bày theo chuẩn mực 28. (theo bảng phụ lục đính kèm)

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lập, ngày 18 tháng 10 năm 2021

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng

BÁO CÁO LÃI LỖ BỘ PHẬN
QUÝ III NĂM 2021

Chỉ tiêu	Mã số	Tổng cộng	Văn phòng công ty	Khách sạn Hội An	Khu du lịch Biển	Khu DLND Tam Thanh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	8 192 928 339	60 000 000	4 041 119 470	3 781 212 894	310 595 975
2. Các khoản giảm trừ	02					
- Chiết khấu thương mại	04					
- Giảm giá hàng bán	05					
- Hàng bán bị trả lại	06					
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	07					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	8 192 928 339	60 000 000	4 041 119 470	3 781 212 894	310 595 975
4. Giá vốn hàng bán	11	10 253 572 022		5 033 277 142	4 124 529 938	1 095 764 942
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	-2 060 643 683	60 000 000	- 992 157 672	- 343 317 044	- 785 168 967
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	52 738 246	52 528 343	96 308	88 272	25 323
7. Chi phí tài chính	22	226 534			226 534	
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23					
8. Chi phí bán hàng	24	161 708 529		84 177 507	41 179 383	36 351 639
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1 952 892 124	1 344 729 572	194 349 281	278 977 785	134 835 486
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	-4 122 732 624	-1 232 201 229	-1 270 588 152	- 663 612 474	- 956 330 769
11. Thu nhập khác	31	4 289 129	844	4 288 285		
12. Chi phí khác	32	15 204 337		3 123 508	11 263 058	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	- 10 915 208	844	1 164 777	- 11 263 058	- 817 771
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	-4 133 647 832	-1 232 200 385	-1 269 423 375	- 674 875 532	- 957 148 540
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	-4 133 647 832	-1 232 200 385	-1 269 423 375	- 674 875 532	- 957 148 540

Cùng kỳ năm trước

Chỉ tiêu	Mã số	Tổng cộng	Văn phòng công ty	Khách sạn Hội An	Khu du lịch Biển	Khu DLND Tam Thanh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	3 153 515 411	121 622 752	1 005 515 187	1 271 048 235	755 329 237
2. Các khoản giảm trừ	02					
- Chiết khấu thương mại	04					
- Giảm giá hàng bán	05					
- Hàng bán bị trả lại	06					
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	07					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	3 153 515 411	121 622 752	1 005 515 187	1 271 048 235	755 329 237
4. Giá vốn hàng bán	11	6 452 481 112		2 282 831 411	2 843 304 928	1 326 344 773
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	-3 298 965 701	121 622 752	-1 277 316 224	-1 572 256 693	- 571 015 536
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	177 603 380	177 207 190	296 221	73 757	26 212
7. Chi phí tài chính	22	5 196 947	5 193 246	3 700	1	
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23	5 193 246	5 193 246			
8. Chi phí bán hàng	24	276 547 734		86 794 817	160 451 398	29 301 519
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3 149 646 625	1 803 118 805	939 574 489	268 675 720	138 277 611
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	-6 552 753 627	-1 509 482 109	-2 303 393 009	-2 001 310 055	- 738 568 454
11. Thu nhập khác	31	11 217 089		11 173 637	43 452	
12. Chi phí khác	32	46 358 266	2 957 524	24 308 993	17 832 506	1 259 243
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	- 35 141 177	- 2 957 524	- 13 135 356	- 17 789 054	- 1 259 243
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	-6 587 894 804	-1 512 439 633	-2 316 528 365	-2 019 099 109	- 739 827 697
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	-6 587 894 804	-1 512 439 633	-2 316 528 365	-2 019 099 109	- 739 827 697